**Nguyễn Trường Tộ với tư tưởng cách tân và vấn đề tự to tín ngưỡng**

**Ngô Trí Sinh**

Nguyễn Trường Tộ (1830 - 1871) quê ở làng Bùi Chu, xã Hưng Yên, huyện Hưng Nguyên, Nghệ An là người theo đạo Thiên chúa; học giỏi có tài văn chương, được gọi là ông “Trạng Tộ”. Năm 1885 dạy chữ Hán cho Tu viện Xã Đoài, học chữ Pháp. Năm 1858 đi Hương Cảng, đi Singapore để sang Rôma, sau đó đi Pari học đại học Sorbonne. Năm 1861 về nước làm phiên dịch tiếng Pháp cho nhà Nguyễn

Ông là người theo Công giáo ở Nghệ An đầu tiên được lịch sử dân tộc ghi nhận là nhà tư tưởng, một nhà yêu nước sắt son, tâm huyết vì lợi ích của Tổ quốc và quyền lợi dân tộc. Nguyễn Trường Tộ đã vượt qua nhiều khó khăn, gian khổ có tính lịch sử, đặc thù về tâm lý, tư tưởng do chính sách và biện pháp đối phó thiếu sáng suốt của triều đình và các sỹ phu, do những điều cấm kỵ của các giáo sỹ thừa sai và nhiều ràng buộc khác về thần quyền và giáo lý. Ngay từ những ngày đầu đó, đứng trước vận nước lâm nguy ông đã biểu thị lòng mình qua những việc làm cụ thể; điều trần cung hiến kế sách. Với tầm nhìn xa trông rộng, nhận thức sâu sắc tình trạng lạc hậu của đất nước, trong bối cảnh mới của tình hình thế giới (CNTB phát triển ở phương Tây...) Nguyễn Trường Tộ đã đề nghị triều đình gấp rút duy tân đất nước, mở rộng quan hệ ngoại giao, cử người đi học khoa học, kỹ thuật, nhằm tự cường, tự lập.

Từ đầu năm 1863 đến trước khi qua đời ông đã gửi lên triều đình trên dưới 60 bản có liên quan đến việc canh tân đất nước. Ông đã viết những bài cuối cùng trên giường bệnh trước lúc lâm chung. Trong các bản điều trần ấy đáng lưu ý là “Tám điều cấp cứu” (tế cấp bát điều) của ông về: gấp rút chấn chỉnh võ bị, bộ máy hành chính, học thuật, thuế điền thổ... Qua các bản điều trần của ông về các phương sách tối mật chống Pháp đã phản ánh tư tưởng canh tân đổi mới đất nước trước đòi hỏi của tình hình chính trị xã hội lúc bấy giờ. Qua các di thảo của ông chúng ta thấy lòng yêu nước đó không chỉ thể hiện ở thiện chí mà còn biểu hiện lòng nhạy cảm, sắc sảo của lý trí và tính hành động mãnh liệt ông không chỉ nêu lên các đề nghị cụ thể mà đưa ra những tư tưởng chỉ đạo, những định hướng căn bản trên cơ sở của những lập luận, kiến giải giàu tính lý luận đầy thuyết phục. Tất cả những đề nghị canh tân đất nước của ông đều nhằm làm cho đất nước giàu mạnh đủ sức khôi phục lãnh thổ, đủ sức bảo vệ nền độc lập dân tộc và tiến kịp các nước văn minh. Tiếc rằng, triều đình nhà Nguyễn bạc nhược, đớn hèn và ngu muội đã không đủ bản lĩnh và năng lực trí tuệ để chấp nhận và triển khai thực hiện các kế sách của ông.

Một đóng góp quan trọng khác của Nguyễn Trường Tộ là tư tưởng và kế sách của ông trong nhận thức về Thiên chúa giáo và vấn đề tôn trọng tự do, tín ngưỡng.

Là môt tín đồ đạo Công giáo, nhưng lại thấm nhuần Nho giáo, Nguyễn Trường Tộ cũng không thoát khỏi việc dùng lăng kính của Nho giáo làm công cụ nhận thức về Công giáo và thực dân Pháp như các nhà Nho đương thời. Song, với tầm nhìn rộng, hiểu biết nhiều với trí tuệ mẫn tiệp và nhạy cảm trong việc tiếp cận cái mới, Nguyễn Trường Tộ đã vượt qua hạn chế của thời đại mình để đạt đến đỉnh cao trong nhận thức về đạo Công giáo và chính sách tôn giáo.

Một số nhà nghiên cứu đã có lý khi cho rằng: Nguyễn Trường Tộ là người mở đầu cho việc đặt cơ sở lý luận về vấn đề tự do tín ngưỡng trong lịch sử tư tưởng nước ta.

Trong nhận thức, phải thành thực chỉ ra rằng: ông đã có một vài nhầm lẫn và ngộ nhận đáng tiếc về chủ nghĩa thực dân Pháp về các giáo sỹ gián điệp trong buổi đầu tiếp xúc khi ông viết: “... Xưa nay chưa có ai buôn bán mà có âm mưu chiếm nước người ta bao giờ”. Nhất là ông đã không nhận thức được sự cấu kết nguy hiểm giữa các giáo sỹ phương Tây với chủ nghĩa thực dân Pháp khi ông cho rằng các giáo sỹ ấy “chỉ lấy việc mở mang đạo giáo chống lại gian tà làm trách nhiệm, chẳng liên quan gì đến việc tranh thành, tranh đất cả” (*Nguyễn Trường Tộ - Con người và di thảo*, NXB TP HCM năm 1988). Nhưng sau đó, trước sự thật phũ phàng khi đã nhận ra dã tâm của quân xâm lược ông đã tỉnh ngộ và tự vấn mình: “lỡ một bước mang hận ngàn năm” (nhất thất túc thành niên cổ hận). Từ năm 1862, ông đã từ chối không làm từ dịch (phiên dịch) cho các cuộc hội đàm giữa thực dân Pháp và triều đình nhà Nguyễn nữa. Với nhận thức: “2 điều sai không làm nên 1 điều đúng” khi triều đình nhà Nguyễn và các sỹ phu trong các cuộc khởi nghĩa chống Pháp mượn cớ có một số giáo sỹ, giáo dân tiếp tay cho giặc chống lại Tổ quốc đã đề ra chủ trương “Sát tả”, Nguyễn Trường Tộ đã lên tiếng cảnh tỉnh từ rất sớm để giúp triều đình không mắc mưu li gián của kẻ thù tự mình “xẻ thịt da mình” gây nên cảnh “nồi da nấu thịt” nhằm tập trung mọi lực lượng để bảo vệ chủ quyền quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ. Ông đã sử dụng khái niệm “đạo đại toàn của trời đất”, lấy đó làm một trong những cơ sở lý luận về “Tự do tín ngưỡng”. Theo ông “đạo đại toàn của trời đất là một trong muôn vật của trời đất” là làm cho muôn “vật đều được sống”và “làm cho muôn vật đều được bảo toàn thiên tính của nó”. Từ “đạo đại toàn của trời đất”, Nguyễn Trường Tộ đã rút ra một kết luận quan trọng về tư tưởng chính trị: đạo đại toàn là đức hiếu sinh của trời đất; nếu làm trái đức hiếu sinh ấy “tàn hại lẫn nhau, lấy lớn ngược đãi nhỏ, họp nhỏ chống lại lớn thì chẳng bao lâu sẽ bị tiêu diệt” (Sđd). Qua câu trên có thể thấy rằng Nguyễn Trường Tộ phản đối sự đàn áp thô bạo của triều đình đối với Công giáo và sự chống đối cực đoan của giáo dân đối với triều đình.

Cũng như mọi nhà Nho khác Nguyễn Trường Tộ thừa nhận vị trí của vua là “thay trời chăn dân”. Vì thế, ông quan niệm rất đúng rằng: Trong sự chăn dắt ấy nhà vua không nên phân biệt đối xử giữa người dân theo tôn giáo này với người dân theo tôn giáo khác. Do đó không nên cưỡng ép mọi người dân ai cũng phải giống nhau về mặt hình thức bên ngoài (ý nói theo các tôn giáo khác nhau). Nguyễn Trường Tộ đã nêu lên những nhận thức đúng đắn về giáo dân: “... giáo dân cũng là một thần dân trong nước... Nếu có bội nghịch, chẳng qua cũng chỉ là một phần ngìn, một phần trăm thôi” (Sđd).

Tư tưởng chỉ đạo chính sách đối với Công giáo và giáo dân theo ông mà triều đình nên áp dụng là:

- Phải tôn trọng tự do tín ngưỡng, không cưỡng ép họ trong vấn đề tự do tín ngưỡng, cưỡng ép chỉ gây ra rối loạn. Nguyễn Trường Tộ đã rất tỉnh táo và sáng suốt khi ông viết: “càng cấm (cấm theo đạo - NST) người theo càng đông” (Sđd). Ông đã hiến kế cho triều đình: phải làm cho giáo dân đồng hành với triều đình đoàn kết dân tộc và sự yên ổn về chính trị “Đồng hành mà không nghịch nhau là được, cần gì phải nhất tề, để làm tổn thương hoà khí?” (Sđd).

- Dùng pháp luật nghiêm trị những kẻ “bội nghịch”. Theo ông đối với những người này chẳng những triều đình cần trừng phạt mà tôn giáo cũng không được dung thứ: “Bất kỳ đạo giáo nào hễ ai phản nghịch đều là người đắc tội trong tôn giáo. Cứ áp dụng hình phạt không tha thứ để cho tôn giáo được trong sạch” (Sđd).

Tóm lại: Có thể hình thức lập luận, cách diễn đạt khác với chúng ta ngày nay nhưng trong nhận thức về chính sách đối với Công giáo, Nguyễn Trường Tộ đã có những kế sách đến nay vẫn còn nguyên giá trị như:

***-*** Về phía chính quyền: Tôn trọng và bảo vệ tự do, tín ngưỡng; nghiêm trị những hành vi vi phạm về tự do tín ngưỡng và lợi dụng tôn giáo làm chiêu bài để chống lại chính quyền phản bội quyền lợi dân tộc; thực hiện đại đoàn kết toàn dân, không phân biệt đối xử giữa người có đạo với người không có đạo, giữa người theo đạo này hay theo đạo khác... để huy động sức mạnh của toàn dân tộc thực hiện mục tiêu bảo vệ nền độc lập của Tổ quốc.

***-*** Về giáo hội và giáo dân: Thực hiện “kính chúa, yêu nước” không được “bội nghịch”.

Đó là những đóng góp không thể phủ nhận của Nguyễn Trường Tộ trong một hoàn cảnh đặc biệt ở một điều kiện đặc biệt. Lịch sử dân tộc ghi nhận ông một trí thức Công giáo, một nhà tư tưởng lớn, nhà yêu nước, giàu tâm huyết, suốt đời vì đại nghĩa dân tộc vì quê hương xứ sở... là bởi nhiều lý do trong đó có những lý do mà chúng tôi đã đề cập trên đây.